

Số: **378** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp hoạt động giữa Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi với các cơ quan và tổ chức, cá nhân trong hoạt động giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của 05 cơ quan, gồm: Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế.

(Có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo)

2. Kể từ ngày 31/3/2018, địa điểm tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết đối với các thủ tục hành chính nêu tại Khoản 1 Điều này được chuyển sang thực hiện tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 60, 62 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đối với những thủ tục hành chính còn lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế chưa đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung

tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi thì được thực hiện tại Sở hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.

Điều 2. Các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế có trách nhiệm:

1. Niêm yết, đăng tải công khai, đầy đủ tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử cơ quan Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi nêu tại Khoản 1 Điều 1 và Danh mục thủ tục hành chính chưa đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, được thực hiện tại Sở hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở (các Sở tự lập Danh mục thủ tục hành chính chưa đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi). Thời gian thực hiện công khai kể từ ngày 15/3/2018.

2. Đối với thủ tục hành chính thuộc Danh mục thủ tục hành chính đưa vào tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi đã tiếp nhận hồ sơ trước ngày 31/3/2018 nhưng chưa trả kết quả giải quyết cho tổ chức, công dân thì tiếp tục trả kết quả giải quyết tại Sở hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.

3. Thực hiện việc giải thể Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở kể từ ngày 31/3/2018 và bố trí, sắp xếp, phân công lại việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết đối với thủ tục hành chính chưa đưa vào Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo thuận lợi cho tổ chức, công dân khi đến giao dịch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Y tế, Giám đốc Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: PCVP, các phòng n/cứu, HCTC, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC (latin34).



Trần Ngọc Căng



DANH MỤC

**Thủ tục hành chính tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả
giải quyết tại Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi**
(Kèm theo Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 05/3/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. SỞ TƯ PHÁP TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG
1	Bổ nhiệm công chứng viên
2	Bổ nhiệm lại công chứng viên
3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)
4	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp bị miễn nhiệm)
5	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng
6	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
7	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
8	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
9	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng
10	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
11	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
12	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)

13	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi
14	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể
15	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng
16	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên
17	Cấp lại Thẻ công chứng viên
18	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên
19	Thành lập Văn phòng công chứng
20	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
21	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng
22	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)
23	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng
24	Hợp nhất Văn phòng công chứng
25	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất
26	Sáp nhập Văn phòng công chứng
27	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập
28	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng
29	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng
30	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
31	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
32	Thành lập Hội công chứng viên
II	LĨNH VỰC LUẬT SƯ
33	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được đạt yêu cầu kiểm tra

	kết quả tập sự hành nghề luật sư
34	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư
35	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b, c, e và k khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư
36	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư
37	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm g, h và i khoản 1 Điều 18 của Luật Luật sư
38	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
39	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư
40	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên
41	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh
42	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư
43	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập
44	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động hoặc Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả các thành viên của công ty luật hợp danh, thành viên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư
45	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp chấm dứt hoạt động do Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên chết
46	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân
47	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

48	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
49	Hợp nhất công ty luật
50	Sáp nhập công ty luật
51	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh
52	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật
53	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư
54	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư
55	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư
56	Giải thể Đoàn luật sư
57	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài
58	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam
59	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài
III	LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI
60	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài
61	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài
62	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài
63	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài
64	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài
65	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài
66	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

67	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
68	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
69	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
70	Thông báo thay đổi Trường Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
71	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
72	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
73	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
74	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài
75	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài
76	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trường Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài
77	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên
78	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
IV	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
79	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp
80	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp
81	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp
82	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp
83	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp

84	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp
85	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp
86	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp
87	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động
88	Thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động do bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động
89	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng
90	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất
V	LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN
91	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
92	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
93	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
94	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
95	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
96	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên
97	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
98	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên
99	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
100	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản

	tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
101	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với Quản tài viên
102	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
VI	LĨNH VỰC BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
103	Cấp thẻ đấu giá viên
104	Thu hồi Thẻ đấu giá viên
105	Cấp lại Thẻ đấu giá viên
106	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
107	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
108	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp
109	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác
110	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
111	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản
112	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
113	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến
114	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản
VII	LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT
115	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật
116	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật
117	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh
118	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản

119	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động
120	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật
121	Thủ tục thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh trong trường hợp Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh không đủ số lượng luật sư, tư vấn viên pháp luật theo quy định của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP
122	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh trong trường hợp Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động không thời hạn
123	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật
124	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật
125	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật
VIII	LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
126	Công nhận và cấp thẻ Cộng tác viên trợ giúp pháp lý
127	Cấp lại Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
128	Thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
129	Cấp giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật
130	Thay đổi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý cho tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật
131	Thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật
IX	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH
132	Nhập Quốc tịch Việt Nam
133	Trở lại Quốc tịch Việt Nam
134	Thôi Quốc tịch Việt Nam
135	Cấp giấy xác nhận có Quốc tịch Việt Nam
136	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

X	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI
137	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài
138	Đăng ký việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi
139	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
XI	LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP
140	Cấp phiếu lý lịch tư pháp số 1
141	Cấp phiếu lý lịch tư pháp số 2

B. SƠ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
Mục 1. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
2	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
3	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế

	phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
37	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
38	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
39	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
41	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
42	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc

	tách doanh nghiệp
44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
45	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
46	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
47	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
50	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
51	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
52	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
53	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
54	Giải thể doanh nghiệp
55	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
58	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
59	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
60	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
Mục 2. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội	
61	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường

62	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
63	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
64	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ
65	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ
66	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội
67	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ
68	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội
II	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ
69	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã
70	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
71	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã
72	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
73	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
74	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
75	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
76	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)
77	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)
78	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
79	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)
80	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)

81	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
82	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
83	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
84	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
85	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
86	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)
87	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã
III	LĨNH VỰC DỰ ÁN ĐẦU TƯ
88	Thẩm định chủ trương dự án đầu tư công
89	Thẩm định đề xuất dự án đầu tư theo hình thức đối tác công
90	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng
91	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư
IV	LĨNH VỰC ĐẤU THẦU
92	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư công
93	Thẩm định hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) gói thầu thuộc dự án đầu tư công do UBND tỉnh làm chủ đầu tư
94	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc dự án đầu tư công do UBND tỉnh làm chủ đầu tư
95	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư
96	Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư
97	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư
98	Thẩm định hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) trong lựa chọn nhà đầu tư

99	Thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư
100	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư
V	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ
101	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
102	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
103	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
104	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
105	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
106	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
107	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
108	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
109	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
110	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
111	Chuyển nhượng dự án đầu tư
112	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
113	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
114	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

115	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
116	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
117	Giãn tiến độ đầu tư
118	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
119	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
120	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
121	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
122	Đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
123	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
124	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
125	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
VI	LĨNH VỰC HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
126	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ
127	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ
128	Nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ
VII	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI
129	Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

130	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
131	Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
132	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
133	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi
134	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư phi dự án
135	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng
136	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm
137	Xác nhận chuyên gia

C. SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC XÂY DỰNG
1	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (dự án nhóm B, C)
2	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh
3	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng
4	Cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng
5	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực)
6	Cấp/cấp lại (<i>trường hợp chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng</i>)/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng
7	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (<i>Trường hợp chứng chỉ hành nghề rách, nát/thất lạc</i>) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng
8	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C
9	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án

	nhóm B, C
10	Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến
11	Cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến
12	Cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo
13	Cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng
14	Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo
15	Cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn
16	Cấp giấy phép xây dựng cho dự án
17	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình
18	Cấp giấy phép di dời công trình
19	Điều chỉnh giấy phép xây dựng
20	Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng
21	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn
22	Thẩm định công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch
23	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng
II	LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG
24	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng
25	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng
26	Cấp giấy phép quy hoạch
III	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ BẤT ĐỘNG SẢN
27	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua
28	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP
29	Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP
30	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP

31	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định
32	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
33	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng
34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)
IV	LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG
35	Tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
36	Thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng

D. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
1	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển
2	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển
3	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển
4	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
5	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển
6	Giao khu vực biển
7	Gia hạn quyết định giao khu vực biển
8	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển
9	Trả lại khu vực biển
10	Thu hồi khu vực biển
II	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
11	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
12	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
13	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao
14	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức
15	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội

	vì lợi ích quốc gia, công cộng cấp tỉnh
16	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
17	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
18	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
19	Đăng ký và cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
20	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
21	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận
22	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
23	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
24	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
25	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng
26	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
27	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
28	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất

	đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức (trừ doanh nghiệp); thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất
29	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
30	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
31	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
32	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
33	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
34	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
35	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
36	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
37	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện
III	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN
38	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng (VLXD) thông thường và than bùn
39	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản VLXD thông thường và than bùn
40	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản VLXD thông thường và than bùn
41	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản VLXD thông thường và than bùn
42	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản
43	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản
44	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản

45	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
46	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản
47	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
48	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
49	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
50	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
51	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
IV	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG
52	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất
53	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)
54	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng)
55	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
56	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
57	Chứng nhận cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành việc thực hiện các biện pháp xử lý triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg
58	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
59	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án
60	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
61	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản cho trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt
62	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản cho trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt
63	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với

	hoạt động khai thác khoáng sản cho trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt
64	Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản cho trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt
65	Thẩm định và phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết
66	Xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản
67	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản
68	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược
V	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
69	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
70	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
71	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
72	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm
73	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm
74	Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm
75	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm
76	Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ /ngày đêm
77	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
78	Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với

	lưu lượng dưới 30.000 m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác
79	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
80	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
81	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy vừa và nhỏ
82	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
83	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
VI	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ
84	Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
85	Thẩm định hồ sơ bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
86	Thẩm định phương án kỹ thuật đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất
87	Thẩm định bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác
88	Thẩm định bản đồ địa hình
89	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

E. SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ
1	Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
2	Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
II	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG VÀ MÔI TRƯỜNG
3	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp
4	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp
5	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
7	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi cơ sở thay đổi địa điểm hoạt động hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động
8	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế bị mất giấy phép hoạt động hoặc có giấy phép hoạt động bị hư hỏng
9	Cho phép hoạt động lại sau khi bị đình chỉ hoạt động đối với cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế
10	Cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ
III	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG
11	Cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có Quy chuẩn kỹ thuật
12	Thủ tục cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có Quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất)
13	Thủ tục cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có Quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba)
14	Cấp lại Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm

15	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm
16	Cấp Giấy xác nhận quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Y tế
17	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng
18	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong các trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực sử dụng
19	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo còn hiệu lực nhưng có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra thị trường và không thay đổi nội dung quảng cáo
20	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Y tế trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng
21	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Y tế trong các trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực sử dụng
22	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Y tế trong trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo còn hiệu lực nhưng có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra thị trường và không thay đổi nội dung quảng cáo
23	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
24	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

25	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014
26	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014
27	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức
28	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân
IV	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA
29	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính
V	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM, MỸ PHẨM
30	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược
31	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược do mất, hư hỏng hoặc rách nát, Chứng chỉ hành nghề hết hiệu lực (đối với Chứng chỉ đã cấp có thời hạn 5 năm), thay đổi thông tin của cá nhân đăng ký hành nghề dược
32	Trả lại Chứng chỉ hành nghề dược cho cá nhân đăng ký hành nghề dược trường hợp cơ sở kinh doanh đề nghị (để làm thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược)
33	Trả lại Chứng chỉ hành nghề dược cho cá nhân đăng ký hành nghề dược trường hợp cá nhân đơn phương đề nghị
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn, bán lẻ dược liệu
35	Cấp bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn, bán lẻ dược liệu
36	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với các Giấy chứng nhận có thời hạn của cơ sở bán buôn, bán lẻ dược liệu
37	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, hư hỏng, rách nát, thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc của cơ sở bán buôn, bán lẻ dược liệu
38	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc
39	Cấp bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc

40	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (đối với Giấy chứng nhận có thời hạn)
41	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, hư hỏng, rách nát, thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc
42	Cấp mới Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP)
43	Cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” - trường hợp đăng ký tái kiểm tra
44	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP)
45	Cấp Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc” - trường hợp đăng ký tái kiểm tra
46	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” đối với trường hợp thay đổi/bổ sung phạm vi kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh, kho bảo quản
47	Cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền
48	Cấp thẻ Người giới thiệu thuốc
49	Hội thảo, giới thiệu thuốc
50	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm
51	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm (trường hợp bị mất, bị hư hỏng)
52	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm (trường hợp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư 09/2015/TT-BYT)
53	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm (trường hợp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo còn hiệu lực nhưng có thay đổi về tên, địa điểm của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm mỹ phẩm ra thị trường và không thay đổi nội dung quảng cáo)
54	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm
55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm (trường hợp bị mất, bị hư hỏng)
56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm - trường hợp cơ sở sản xuất mỹ phẩm thay đổi tên cơ sở hoặc thay đổi địa chỉ do điều chỉnh địa giới hành chính (địa điểm sản xuất không thay đổi)

VI	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
57	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh
58	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
59	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
60	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
61	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
62	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
63	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
64	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập
65	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã
66	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm
67	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
68	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở y tế
69	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
70	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
71	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

72	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở y tế
73	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở y tế
74	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở y tế
75	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X-quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
76	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
77	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp
78	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả
79	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà
80	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc
81	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
82	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
83	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ
84	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage)
85	Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
86	Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
87	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
88	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
89	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
90	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
91	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế

92	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
93	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập
94	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
95	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
96	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
97	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà Hộ Sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
98	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
99	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
100	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp
101	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả
102	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà
103	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc
104	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh
105	Cấp giấy phép hoạt động đối với khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã
106	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm
107	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh
108	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ

	sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
109	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.
110	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
111	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
112	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
113	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
114	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT
115	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
116	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016
117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
118	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
119	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
120	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa
121	Cấp bổ sung lòng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ gia đình đối với trạm y tế cấp xã
122	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm

123	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
124	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
VII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
125	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
126	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A
127	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D